

Bản án số: 27/2019/HNGĐ-ST

Ngày 10-6-2019

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quân.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hồng và Nguyễn Thị Hoan

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiền - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2019/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/5/2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Tấn Thị T**, sinh năm 1992;

ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: thôn H, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1986;

ĐKKHKT: thôn B, xã Q, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

3. *Người làm chứng:* Bà **Đào Thị T**, sinh năm 1958.

Trú quán: thôn H, xã H, huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương;

Chị T có mặt, anh H, bà T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị **Tấn Thị T** trình bày:

+ Về hôn nhân: Chị và anh **Nguyễn Văn H** kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 11/9/2015. Sau khi kết hôn, chị và anh H cùng nhau thuê nhà trọ tại thị trấn T, huyện Tứ Kỳ sinh sống. Vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm, hơn nữa anh H mãi chơi, không chịu làm ăn gì dẫn đến vợ chồng

thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Đến giữa năm 2017, kinh tế khó khăn trong khi chị có bầu, vợ chồng cùng thống nhất về nhà mẹ đẻ chị sinh sống. Tuy nhiên từ khi về nhà mẹ đẻ chị sinh sống, vợ chồng ngày càng mâu thuẫn nhiều hơn, anh H thường xuyên gây sự, chửi mắng thậm chí xúc phạm cả mẹ chị. Anh H ít khi ở nhà mà thường xuyên đi chơi bời, có khi đi chơi mấy ngày mới về. Chị đã nhẫn nhịn và nói chuyện với anh H để vợ chồng thấu hiểu nhưng anh H quay ra chửi mắng, tát chị, bỏ làm, đi chơi nhiều hơn và không quan tâm gì đến chị. Đầu năm 2018, anh H về quê ở Q ở một thời gian, sau đó chị có đi tìm anh H thì được biết anh H sống với bà nội một thời gian rồi bỏ đi làm ăn (anh H ở với bà nội, bố anh H đã chết, mẹ đi lấy chồng xa), chị điện thoại nhưng anh H không nghe máy, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

+ Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Bảo H, sinh ngày 07/01/2018 hiện đang ở với chị. Chị xin được nuôi dưỡng con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đến gia đình anh H để tổng đạt trực tiếp Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác của Tòa án cho bị đơn nhưng anh H không có mặt ở nhà. Do bà nội anh H là cụ Nguyễn Thị P năm nay đã 95 tuổi không còn minh mẫn, nên không thể nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh H, những người thân thích không có ai ở nhà nên Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý vụ án của TAND huyện Tứ Kỳ, các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của chị T và các văn bản tố tụng của Tòa án theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh H không đến Tòa án làm việc, tham gia hoà giải.

Kết quả làm việc với bà Đạo Thị T (mẹ đẻ chị T) xác định: Chị T và anh H kết hôn được tự do tìm hiểu, tự nguyện có đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi kết hôn, vợ chồng thuê nhà tại thị trấn T sinh sống, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân cụ thể như thế nào thì bà không nắm được. Đến năm 2017, chị T có bầu, kinh tế khó khăn, vợ chồng đưa nhau về nhà bà sinh sống nhưng thường xuyên to tiếng, cãi nhau, anh H đánh chị T và bắt chị T dọn đồ ra ngoài sống nhưng chị T không nghe. Bà có tham gia, khuyên bảo chị T anh H nín nhịn, bảo ban nhau làm ăn nhưng anh H không chịu làm ăn gì, mãi chơi về gây sự, đánh chị T và bỏ ra ngoài ở. Sau khi chị T sinh con, anh H về tiếp tục yêu cầu mẹ con chị T ra ngoài thuê nhà sinh sống nhưng không được nên anh H bỏ về Q sinh sống một thời gian và sau đó đi làm ở đâu không rõ và cũng không quay lại gia đình bà nữa. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh H và đề nghị được nuôi con, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo đơn của chị T để hai bên sớm ổn định cuộc sống. Trường hợp chị T được nuôi con, bà nhất trí tạo điều kiện về chỗ ăn ở, sinh hoạt và hỗ trợ chị T nuôi con với những điều kiện tốt nhất.

Kết quả làm việc với UBND xã Q, cán bộ lao động thương binh xã hội xã Q và trưởng thôn B, xã Q đều được cung cấp: Anh Nguyễn Văn H là công dân có đăng ký hộ khẩu tại địa phương. Do bố đẻ anh H đã chết, mẹ đẻ anh H đã đi lấy chồng ở nơi khác (ở đâu địa phương không nắm được) nên anh H sống với bà nội. Sau khi kết hôn với chị T, vợ chồng không sinh sống ở địa phương mà ở nơi khác, thỉnh thoảng anh H có đưa vợ về thăm người thân rồi lại đi. Cuối năm 2018, địa phương thấy anh H về một mình sống cùng với bà nội được một thời gian thì đi đâu, làm gì địa phương không nắm được, thỉnh thoảng anh H có về thăm bà rồi lại đi. Do vợ chồng không sống ở địa phương nên địa phương không nắm được mâu thuẫn của vợ chồng. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh H và xin được nuôi con, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Kết quả làm việc với UBND xã H và các đoàn thể, trưởng thôn H đều xác nhận: Chị T và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H ngày 11/9/2015. Năm 2017, anh H, chị T đưa nhau về nhà bà T (mẹ đẻ chị T) sinh sống được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H thấy khó chịu khi phải sống nhờ nhà mẹ vợ nên đã yêu cầu chị T ra ngoài ở nhưng chị T không nghe nên anh H chửi, đánh chị T sau đó anh H ra nơi khác sống. Sau khi chị T sinh con được khoảng một đến hai tháng thì anh H quay về tiếp tục ép hai mẹ con chị T đưa về quê nội hoặc ra ngoài sinh sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, giằng co nhau gây mất trật tự thôn xóm. Địa phương có thành lập tổ hòa giải đến hòa giải cho vợ chồng thì anh H không ép mẹ con chị T về quê nội hoặc ra ngoài sinh sống nhưng anh H cũng đi nơi khác ở, không quay lại nhà bà T nữa, chị T vẫn ở cùng với bà T nuôi con cho đến nay. Nay, chị T xin ly hôn và đề nghị được nuôi con, đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của chị T và giao con cho chị T nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện VKSND huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng đến trước thời điểm HĐXX nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; Điều 147 BLTTDS; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Tấn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H; Về con chung: Giao cho chị Tấn Thị T được nuôi dưỡng con chung Nguyễn Bảo H, sinh ngày 07/01/2018 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Chị Tấn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm;

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn H được Toà án triệu tập đến tham gia phiên toà hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về hôn nhân: Chị Tấn Thị T và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện Tứ Kỳ ngày 11/9/2015 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng một năm thì xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do không hợp nhau trong cách sống, sinh hoạt, bất đồng quan điểm. Theo chị T trình bày: anh H chơi bời, không chịu làm ăn gì, trong khi vợ chồng kinh tế khó khăn, nhà ở không có lại đang phải nuôi con nhỏ, vợ chồng về ở cùng với mẹ chị để bớt khó khăn thì anh H khó chịu, chửi bới, đánh chị, ép mẹ con chị phải ra ngoài sinh sống theo ý anh H. Do chị không nghe, anh H tiếp tục chửi bới, đánh chị và tự ý bỏ về quê ở và đi làm ăn không quan tâm đến mẹ con chị nữa, vợ chồng ly thân từ cuối năm 2018 đến nay. Căn cứ vào các tài liệu Toà án thu thập được xác định anh H hiện vẫn có đăng ký hộ khẩu tại thôn B, xã Q. Sau khi mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, anh H đã về thôn B sống cùng bà nội một thời gian rồi đi làm ăn, thỉnh thoảng có về thăm người thân rồi lại đi. Chị T đã cung cấp chính xác địa chỉ của bị đơn tại thời điểm khởi kiện và đã được UBND xã Q xác nhận được coi là đã ghi đúng địa chỉ của bị đơn theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên khi anh H đi làm ăn nơi khác gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng nhưng không thông báo cho chị T biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 được coi là cố tình giấu địa chỉ, gây khó khăn cho chị T trong việc ly hôn. Từ khi Toà án thụ lý vụ án đến nay, anh H cũng không về Toà án để làm việc, tham gia hoà giải theo các văn bản đã được Toà án niêm yết, chị T vẫn cương quyết ly hôn. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T, anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để hai bên sớm ổn định cuộc sống.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Nguyễn Bảo H, sinh ngày 07/01/2018, hiện đang ở với chị T. Chị T đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu của chị T thấy rằng: Tính đến ngày xét xử, cháu H chưa đủ 36 tháng tuổi. Theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình quy định: *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*. Hiện chị T làm công nhân, có mức thu nhập

trung bình trên 5 triệu đồng/tháng, mẹ chị T cam kết sẽ tạo điều kiện về chỗ ở và hỗ trợ chị T trong việc nuôi con, chị T không thuộc trường hợp không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con. Anh H đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Toà án làm việc. Do cháu H còn nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn, vì vậy, HĐXX tiếp tục giao cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) mới đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị T không yêu cầu nên Toà án không giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Tấn Thị T khởi kiện vụ án hôn nhân gia đình nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ...án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ... án phí và lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Tấn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Tấn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Nguyễn Bảo H, sinh ngày 07/01/2018 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Tấn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, theo biên lai số AA/2017/0005064 ngày 26/3/2019.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THA dân sự huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã H, huyện Tứ Kỳ;
- UBND xã Q, huyện Tứ Kỳ;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Quân

